

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1195/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga, T ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 283/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hoàng Xuân L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T và ông L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị Anh T là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24/6/2010.

Trong quá trình chung sống, bà và ông L không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung do ông L có tính gia trưởng, bảo thủ. Bà làm việc tại Trung tâm bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh, công việc có tính đặc thù, khi bà có ca trực là trực 24/24 để chăm sóc, quản lý người khuyết tật không nơi cư nhờ. Ông L không đồng cảm, chia sẻ với công việc bà đang làm mà có những suy nghĩ và lời nói xuyên tạc dẫn đến vợ chồng Tòng xuyên gây gổ với nhau đặc biệt là vào những ngày lễ, tết.

Bà và ông L không thể giải tỏa được mâu thuẫn, ông L có lần gây gổ với bà đã dùng dao dọa giết con gái làm ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của con, hăm dọa sẽ giết cả gia đình của bà nếu bà ly hôn ...

Bà không còn tình cảm với ông L, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà đang trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Xuân T, sinh ngày 14/8/2012. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này

2. Bị đơn – ông Hoàng Xuân L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông L nhưng ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định của Luật hôn nhân và Gia đình, Kiểm sát viên nhận thấy yêu cầu của bà T phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà T yêu cầu ly hôn với ông L. Ông L cư trú tại phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144/2010, quyển số 01/2009 ngày 24/6/2010 của Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hôn nhân chỉ bền vững khi vợ chồng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Xét, bà T yêu cầu ly hôn với ông L do vợ chồng không hòa hợp trong suy nghĩ và cách sống, không tìm được tiếng nói chung, Tổng xuyên gây gổ với nhau. Bà với ông L không giải tỏa được mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập ông L tham gia hòa giải để động viên vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng ông L không đến Tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình.

- Qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông L thể hiện ông bà có phát sinh mâu thuẫn là sự thật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Hoàng Xuân T, sinh ngày 14/8/2012 là phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông Hoàng Xuân L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 144/2010, quyển số 01/2009 ngày 24/6/2010 của Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Về con chung: Bà T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hoàng Xuân T, sinh ngày 14/8/2012.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0047818 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân Phường B, quận C;
- L: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

